TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14-CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 175/2026/HNGĐ - ST
Ngày: 09/7/2026
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – CẦN THƠ

\- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Trương

2. Ông Nguyễn Văn Bỉnh

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thái Uyển Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mỹ Chi – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 14 – Cần Thơ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 382/2026/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2025 về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 91/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Trương Thị T, sinh năm: 1972. (Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã T, thành phố Cần Thơ.

2. **Bị đơn:** Ông Cao Thanh S, sinh năm: 1971. Vắng mặt.

Địa chỉ: ấp N, xã T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn bà Trương Thị T trình bày: Nguyên đơn và bị đơn sau khi được mai mối quen biết nhau, tự nguyện tiến tới hôn nhân, tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống, có đăng ký kết hôn năm 2001. Sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do cãi nhau, bất đồng quan điểm, không tìm được tiến nói chung mặc dù cả hai đã ngồi lại trao đổi với nhau và con cái hết lòng khuyên nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Do tình cảm không còn nên nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Có hai con chung là Cao Thanh H, giới tính nam, sinh ngày 13/10/1994 và Cao Thị P, giới tính nữ, sinh ngày 19/4/1995. Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Cao Thanh S trình bày: Ông thống nhất với nguyên đơn Trương Thị T về quan hệ hôn nhân. Bị đơn đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2003 có đi đi về về, bị đơn và nguyên đơn ly thân từ năm 2023. Dau đó nguyên đơn làm đơn ly hôn với bị đơn. Bị đơn không đồng ý ly hôn do còn thương vợ, vợ chồng đã lớn tuổi, để các con được vui vẻ.

Về con chung: Có hai con chung là Cao Thanh H, giới tính nam, sinh ngày 13/10/1994 và Cao Thị P, giới tính nữ, sinh ngày 19/4/1995. Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi xét xử vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn Trương Thị T được ly hôn cùng bị đơn Cao Thanh S. Về con chung: Đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không giải quyết. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Trương Thị T nộp đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Cao Thanh S. Bị đơn có nơi cư trú ở ấp N, xã T, thành phố Cần Thơ. Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân Khu vực 14 - Cần Thơ. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, Điều 228 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện tìm hiểu được cha, mẹ hai bên tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên được xem là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của nguyên đơn thì cuộc sống của vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn đến năm 2023 thì mâu thuẫn không thể hàn gắn và vợ chồng cũng đã ly thân. Do tình cảm không còn nên nguyên đơn xin ly hôn với bị đơn. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn Cao Thanh S yêu cầu đoàn tụ nhưng không đưa ra được phương án hàn gắn và nguyên đơn cương quyết ly hôn do không còn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, hôn nhân của các đương sự đã rơi vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nguyên đơn Trương Thị T yêu cầu ly hôn với bị đơn Cao Thanh S là có cơ sở để chấp nhận nên Hội đồng xét xử thống nhất cho nguyên đơn ly hôn với bị đơn.

[3] Về con chung: Các đương sự trình bày có 02 con chung là Cao Thanh H, giới tính nam, sinh ngày 13/10/1994 và Cao Thị P, giới tính nữ, sinh ngày 19/4/1995. Các con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn bà Trương Thị T được ly hôn với bị đơn ông Cao Thanh S.

[2] Về con chung: có 02 con chung là Cao Thanh H, giới tính nam, sinh ngày 13/10/1994 và Cao Thị P, giới tính nữ, sinh ngày 19/4/1995. Các con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Đương sự khai không có, nên không xem xét giải quyết.

[4] Nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết.

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Trương Thị T phải chịu là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo Biên lai số 0009765 ngày 18/5/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Nguyên đơn Trương Thị T đã nộp đủ án phí.

[6] Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

[7] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền được yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án dân sự theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
-TAND Tp Cần Thơ;
-VKSND KV 14-Cần Thơ;
-THADS Tp Cần Thơ;
-Các đương sự;
-Lưu HS.

Nguyễn Quốc Việt